

TÁI CẤU TRÚC HỆ THỐNG TÀI CHÍNH SAU KHỦNG HOẢNG 1997 – 1998 - BÀI HỌC TỪ MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á VÀ KHUYẾN NGHỊ

PGS.,TS. Nguyễn Văn Hiệu*

Cách đây vài năm, một chuyên gia phân tích quốc tế đã có nhận định rằng, xét về triệu chứng, Việt Nam đang có những dấu hiệu rất giống với những triệu chứng của Thái Lan trước đó một thế kỷ. Nhận định đó hàm ý rằng, nếu không có những đổi sách điều chỉnh phù hợp, rất có thể Việt Nam sẽ đi vào vết xe đổ của Thái Lan trong cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 - 1998. Lời cảnh báo đó đã nhanh chóng đi vào quên lãng vì không ai có thể nghĩ rằng, với những gì đã xảy ra trong cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 - 1998 lại có thể xảy ra lần nữa. Tuy nhiên, cho đến nay nhìn lại, lời cảnh báo trên vẫn còn nguyên giá trị đối với Việt Nam, bởi những triệu chứng đã phát thành bệnh và cả xã hội đang ồn ào với câu chuyện tái cấu trúc nền kinh tế, trong đó một trong ba khâu đột phá là phải tái cấu trúc hệ thống ngân hàng - tài chính. Xem lại những diễn biến của cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 - 1998 ở một số nước châu Á thấy rằng, về căn bản, chúng đã giống như những gì đang xảy ra ở Việt Nam: Tăng trưởng tín dụng nhanh và kéo dài; một tỷ lệ đáng kể của tín dụng đầu tư vào bất động sản, sự mọc lên nhanh chóng của các tổ chức tín dụng, chứng khoán, tài chính; thị trường tiền tệ bất ổn định; thị trường bất động sản bị đẩy giá cao đến mức vô lý - đình trệ - nguy cơ vỡ nợ; nghịch lý trong cơ cấu cho vay nội tệ và ngoại tệ...

Tuy quy mô của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 - 1998 rộng hơn rất nhiều so với những gì đang diễn ra ở Việt Nam vì đó là cuộc khủng hoảng mang tính chất quốc tế và trên một góc độ nào đó, có bàn tay can thiệp của giới đầu cơ xuyên quốc gia, nhưng những gì cần được giải quyết ở từng quốc gia riêng lẻ thì có lẽ không khác nhau là mấy. Vì vậy, việc nghiên cứu những kinh nghiệm của các nước này trong việc tái cấu trúc lại nền tài chính nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng sẽ có những bổ

* Trường ĐT&PTNNL Vietinbank

sung hữu ích cho quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng - tài chính ở nước ta.

1. Khái lược về khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 - 1998

Sự yếu kém của khu vực doanh nghiệp và hệ thống tài chính kết hợp với những diễn biến xấu của kinh tế vĩ mô là nguyên nhân trực tiếp khơi mào cho khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 - 1998. Sự neo tỷ giá quá lâu đã tạo tâm lý chủ quan cho cả người đi vay và người cho vay nên không ai quan tâm đến các biện pháp phòng vệ rủi ro tỷ giá - Đây là thời cơ và điều kiện tốt cho giới tài phiệt quốc tế giáng những đòn chí mạng vào hệ thống tiền tệ làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng. Trong một thời gian dài, nguồn vốn nước ngoài ào ạt đổ vào thị trường nội địa đã tiếp thêm nguồn cho việc mở rộng tín dụng (kể cả các khoản tín dụng dưới chuẩn). Tình trạng này góp phần làm gia tăng lạm phát. Lạm phát tăng lại tiếp tục hút thêm vốn vào những lĩnh vực đầu cơ nhạy cảm trong đó tỷ trọng cho vay từ các tổ chức tài chính phi ngân hàng (với năng lực thẩm định và giám sát hạn chế) càng ngày càng gia tăng hơn. Tất cả những triệu chứng trên đã làm cho nền kinh tế bị thổi phồng thành những bong bóng vô cùng nguy hiểm, đặc biệt ở các nền kinh tế có tỷ lệ nợ cao và các khoản vay ngắn hạn không được phòng vệ như Hàn Quốc, Thái Lan. Hệ quả là một cuộc khủng hoảng mang tính dây chuyền đã nổ ra ở hầu hết các quốc gia châu Á (Việt Nam là một ngoại lệ). Những diễn biến chính xảy ra ở Thái Lan là một điển hình về những gì đã diễn ra trong cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 - 1998.

Bảng 1: Diễn biến khủng hoảng tài chính Thái Lan 1997 - 1998

Thời gian	Sự kiện
3/1997	Thái Lan lần đầu tiên công bố những rắc rối liên quan đến 2 công ty tài chính giấu tên và chương trình tái cấu trúc vốn
3 - 6/1997	66 công ty tài chính được Ngân hàng Thái Lan bí mật hỗ trợ thanh khoản ở mức cao. Một lượng vốn đáng kể đã chảy ra khỏi Thái Lan
29/6/1997	16 công ty tài chính bị phong tỏa, một tuyên bố về việc đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền và người cho vay

	đối với các công ty tài chính còn lại được đưa ra.
2/7/1997	Đồng Bat được thả nổi và ngay lập tức mất giá 15 - 20%
5/8/1997	Hàng loạt các biện pháp được đưa ra nhằm củng cố hệ thống tài chính. 42 công ty tài chính ngừng hoạt động.
14/10/1997	Chiến lược tái cấu trúc hệ thống tài chính được công bố; Ủy Ban tái cấu trúc hệ thống tài chính và Công ty quản lý tài sản tái cấu trúc được thành lập, biện pháp đảm bảo tiền gửi vô điều kiện được tái khẳng định, quyền lực can thiệp của ngân hàng nhà nước được củng cố thêm.
24/10/1997	Ban bố lệnh khẩn cấp về hỗ trợ tái cấu trúc hệ thống tài chính
8/12/1997	46 công ty tài chính đã ngừng hoạt động bị vĩnh viễn chấm dứt hoạt động
31/12/1997	Ngân hàng Quốc gia Thái Lan (Bank of Thailand) can thiệp vào một ngân hàng thương mại; quyền của cổ đông bị xóa bỏ.
23/1/1998	Ngân hàng Quốc gia Thái Lan (Bank of Thailand) can thiệp tiếp 2 ngân hàng thương mại; quyền của cổ đông bị xóa bỏ.
11/3/1998	Một ngân hàng thương mại bị mua lại bởi cổ đông chiến lược nước ngoài
18/5/1998	Ngân hàng Quốc gia Thái Lan (Bank of Thailand) can thiệp vào 7 công ty tài chính; quyền của cổ đông bị xóa bỏ.
14/8/1998	Kế hoạch tái cấu trúc toàn diện hệ thống tài chính được công bố (gồm cả gói giải pháp kêu gọi sự tham gia của lĩnh vực tư vào việc tái cấu trúc cơ cấu vốn); tiếp tục can thiệp vào 2 ngân hàng, 5 công ty tài chính; quyền của cổ đông bị xóa bỏ.
30/8/1998	Một ngân hàng thương mại loại vừa của Thái Lan bị nhà đầu tư chiến lược nước ngoài mua lại với sở hữu vốn chủ yếu thuộc về nhà đầu tư nước ngoài.
7/1999	Một ngân hàng thương mại nhỏ bị can thiệp và sau đó rao bán, một ngân hàng lớn công bố thành lập công ty

Những sự kiện tương tự cũng diễn ra với gần như cùng thời gian ở Korea, Malaysia, Indonesia và Philippines. Thậm chí, một vài nước còn sử dụng những biện pháp can thiệp mạnh tay hơn Thái Lan để tái cấu trúc. Chẳng hạn, từ tháng 10/1997 đến tháng 3/1999, Indonesia đã đóng cửa tổng cộng 61 ngân hàng thương mại, thu tóm và cho sáp nhập hàng chục ngân hàng khác...

2. Đối phó với khủng hoảng và kinh nghiệm tái cấu trúc hệ thống tài chính

Đối phó với khủng hoảng và từng bước tái cấu trúc lại hệ thống ngân hàng - tài chính là một việc làm không dễ, song không thể không thực hiện. Với sự trợ giúp về kỹ thuật, nhân lực và kinh nghiệm của IMF cùng với những đối sách và bước đi hợp lý, một số nước bị ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng 1997 - 1998 đã vượt qua một cách thần kỳ (tuy rất khó khăn) và đạt được sự phát triển ổn định hơn một thập kỷ qua. Chính vì vậy, trong cuộc khủng hoảng tài chính thế giới gần đây, rất nhiều nước trên khắp các châu lục đang loay hoay chống đỡ với những cơn bão tài chính quét qua hệ thống ngân hàng - tài chính thì ở những nước này, gần như họ đang bình yên với một sự ổn định đáng ngưỡng mộ.

Thực tế thì mỗi trong số các nước nói trên có một cách đối phó với khủng hoảng và lộ trình tái cấu trúc khác nhau cùng với những trải nghiệm khác nhau, nhưng nghiên cứu kỹ thì thấy một số điểm chung có thể đúc kết là:

Thứ nhất, ổn định hệ thống tài chính và khôi phục lòng tin của công chúng đối với khả năng quản lý kinh tế, ổn định vĩ mô của chính phủ được coi là biện pháp đầu tiên, cần thiết khi dấu hiệu khủng hoảng đã hiện diện.

Thứ hai, áp dụng khẩn cấp các biện pháp ngăn chặn sự tháo chạy khỏi hệ thống ngân hàng, duy trì hệ thống thanh toán, hạn chế sự hỗ trợ thanh khoản từ ngân hàng trung ương, hạn chế tối thiểu sự lệch lạc dòng chảy tín dụng, duy trì kiểm soát tiền tệ và ngăn chặn dòng vốn rút ra nước ngoài. Những biện pháp mạnh như đóng cửa nhà băng, thường chỉ được áp dụng trong trường hợp phải có những chính sách đặc biệt liên quan đến ổn

định kinh tế vĩ mô và sự đảm bảo vô điều kiện quyền lợi của người gửi tiền.

Thứ ba, hỗ trợ thanh khoản của ngân hàng trung ương lúc đầu là hết sức cần thiết nhưng sau đó, phải giảm dần kèm theo với việc đóng cửa một số tổ chức tài chính yếu kém khi điều kiện đã chín muồi. Bên cạnh đó, chính sách tiền tệ trong giai đoạn khủng hoảng cần tập trung xử lý những vấn đề cấp thiết như tỷ giá, lãi suất ngắn hạn, dự trữ ngoại tệ hơn là tập trung vào xử lý những vấn đề tổng thể vốn đã bị mất cân đối nghiêm trọng.

Thứ tư, sau khi đã ổn định được tình hình, cần vạch ra một chương trình tái cấu trúc bài bản, thận trọng mà việc đầu tiên cần làm là thiết lập một hành lang pháp lý phù hợp làm cơ sở cho việc loại bỏ khỏi hệ thống những tổ chức tài chính yếu kém, củng cố tiềm lực cho các tổ chức tài chính thiết yếu đối với nền kinh tế, xử lý các khoản nợ xấu, tăng cường thể chế giám sát và minh bạch hóa các hoạt động của hệ thống tài chính.

Kế hoạch tái cấu trúc hệ thống tài chính - ngân hàng phải được coi là một chương trình trung hạn. Vì thế, cần có một lộ trình thận trọng phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi nước, không nên rập khuôn, nóng vội, duy ý chí. Điều quan trọng của quá trình tái cấu trúc là phải thiết lập được một bộ tiêu chí rõ ràng để có thể phân loại được các tổ chức tài chính - ngân hàng cần phải tái cơ cấu, những ngân hàng, tổ chức tài chính cần được củng cố, những ngân hàng, tổ chức tài chính nào cần phải loại bỏ. Đây là việc làm khó nhưng lại tối quan trọng, bởi nếu làm không khéo sẽ bị lái theo những ý đồ chính trị cá nhân hoặc bị tác động bởi lợi ích nhóm khiến cho quá trình tái cơ cấu ít có cơ hội thành công.

Thứ năm, trong quá trình tái cơ cấu, việc định giá tài sản của ngân hàng là việc làm tối cần thiết, song lại vô cùng khó. Vì vậy, cần có những quy định cụ thể về các phương pháp và tiêu chí định giá phù hợp và tham chiếu kết quả của nhiều tổ chức định giá chuyên nghiệp khác nhau. Việc thiết lập các tiêu chí đồng bộ, đầy đủ và công khai minh bạch đóng vai trò quan trọng nhất đối với quá trình tái cấu trúc.

Thứ sáu, đối với các tổ chức tài chính - ngân hàng vẫn có thể tồn tại, thì việc định giá tài sản, xác định thiệt hại của các khoản nợ xấu và việc tái cấu trúc vốn là cần thiết và cũng phải được thực thi, giám sát một cách chặt

chẽ. Nếu số ngân hàng này không đạt tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu thì bắt buộc phải tái cấu trúc vốn và nâng cao tỷ lệ an toàn vốn, đồng thời phải được giám sát chặt của các cơ quan công quyền.

Thứ bảy, trong một số trường hợp, phương pháp “bắc cầu” được áp dụng rất hiệu quả: chính phủ đứng ra mua lại, quốc hữu hóa một số ngân hàng hoặc thành lập một công ty quản lý mua bán nợ trung gian, sau đó, sẽ tái vốn hóa những ngân hàng này hoặc bán lại cho một ngân hàng, tổ chức tài chính khác. Trong trường hợp đó, mọi khoản chênh lệch lỗ phát sinh trước hết phải được gánh chịu bởi các cổ đông của ngân hàng bị tái cấu trúc cho đến khi vốn chủ sở hữu bị triệt tiêu hoàn toàn.

Thứ tám, chi phí cho quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng - tài chính là vô cùng lớn. Ước tính chi phí thiệt hại ngân sách phải gánh chịu để đối phó với khủng hoảng tài chính và tái cấu trúc hệ thống ngân hàng - tài chính của 4 nước châu Á năm 1997 - 1998 nằm trong khoảng từ 15 đến 45% GDP. Những thiệt hại này ban đầu do ngân hàng trung ương gánh dưới hình thức hỗ trợ cho các ngân hàng mất thanh khoản. Sau này, được bù đắp bởi nguồn phát hành trái phiếu của chính phủ.

Thứ chín, vai trò của nhà nước và quyết tâm chính trị cao là nhân tố quan trọng giúp cho quá trình tái cấu trúc thành công. Trong thời gian xảy ra khủng hoảng và quá trình tái cấu trúc, một số nước như Hàn Quốc, Indonesia đã có những biến động chính trị (bầu cử lại chính phủ), song quyết tâm và chiến lược tái cấu trúc vẫn được ủng hộ mạnh mẽ. Nhờ thế, quá trình tái cấu trúc cơ bản đã rất thành công ở các nước này.

Thứ mười, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng không thể tách rời với tái cấu trúc hệ thống doanh nghiệp, bởi chính những yếu kém của hệ thống doanh nghiệp là tác nhân chủ yếu đem đến những khoản nợ xấu, nợ quá hạn và tạo ra căng thẳng về thanh khoản cũng như hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng - tài chính. Mặc dù vậy, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng được đặt hàng ưu tiên cao hơn, bởi chính hệ thống ngân hàng sẽ thiết lập những bộ tiêu chí chặt chẽ, thận trọng hơn trong việc thẩm định các dự án và các khoản vay, làm cơ sở cho việc lành mạnh hóa hệ thống tài chính doanh nghiệp.

Sau khi tái cấu trúc, những tiêu chuẩn, chuẩn mực nội địa của hệ thống ngân hàng - tài chính của tất cả các nước đều tiến gần hơn tới những chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Sự minh bạch hóa thông tin hệ thống tài chính - ngân hàng được cải thiện, khả năng giám sát và cảnh báo sớm của các cơ quan chức năng cũng hiệu quả hơn. Đặc biệt, kỹ năng phân tích và dự báo từ những bài học trong quá khứ và các trường hợp điển hình trên thế giới được vận dụng sát với thực tiễn và hoàn cảnh điều kiện của mỗi nước cũng là những nhân tố đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của hệ thống ngân hàng - tài chính của các nước trong suốt giai đoạn từ khi xảy ra khủng hoảng đến nay.

3. Một vài khuyến nghị

Việc tái cấu trúc hệ thống tài chính - ngân hàng ở Việt Nam không phải bây giờ mới bắt đầu, mà thực chất đã từng được tiến hành thành công vào những năm 1998 - 1999 với 20 ngân hàng chính thức bị đóng cửa hoặc bị đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt (trong đó, 2 ngân hàng tự nguyện giải thể, 8 ngân hàng giải thể bắt buộc dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), 6 ngân hàng thực hiện sáp nhập vào ngân hàng khác). NHNN cũng đã từng tiêu tốn vài ngàn tỷ đồng cho những vụ tái cấu trúc này. Bối cảnh hiện thời ở Việt Nam chưa trầm trọng đến mức có thể coi là khủng hoảng, bởi thực chất những dấu hiệu dẫn tới khủng hoảng đã bắt đầu được ngăn chặn cách đây vài năm. Sự kiên quyết của người đứng đầu NHNN nhiệm kỳ trước đã không cho phép thành lập thêm một ngân hàng thương mại cổ phần nào nữa cũng có thể coi là một bước đi phòng ngừa dũng cảm trong bối cảnh thị trường đang ăn ra làm nên ở thời kỳ đó. Tiếp đó, hàng loạt các quy định khống chế tỷ lệ cho vay cầm cố chứng khoán, khống chế tỷ lệ cho vay bất động sản, khống chế tỷ lệ tăng trưởng tín dụng nóng, khống chế tỷ lệ cho vay tính trên số dư huy động, khống chế tỷ lệ huy động vốn từ thị trường II... đã góp phần đáng kể vào việc ngăn chặn đổ vỡ tín dụng mà nguy cơ có thể nhìn thấy trước. Theo đánh giá của người viết, đây là những biện pháp rất tích cực để bảo vệ sự an toàn của hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam trong thời gian qua và đó là sự cụ thể hóa của một chiến lược có tầm nhìn dài hạn. Tuy nhiên, một số biện pháp đã không được thực thi triệt để và có những thời điểm còn tỏ ra khá nửa vời (do sức ép

của dư luận, do tác động của lợi ích nhóm hoặc thiếu sự đồng thuận) nên kết quả chỉ có thể hạn chế tác động tiêu cực mà thôi. Đến nay, những dấu hiệu bất ổn đã ngày càng rõ nét: khả năng tăng vốn của nhiều ngân hàng để đạt mức tối thiểu không khả thi, các ngân hàng đua nhau mở chi nhánh, phòng giao dịch, thành lập các công ty con để đầu tư vào bất động sản, chứng khoán và nhiều lĩnh vực rủi ro khác, thanh khoản của nhiều ngân hàng bị rút kiệt (NHNN phải hỗ trợ thanh khoản khẩn cấp), nợ xấu tăng cao và còn có nguy cơ tiếp tục tăng cao hơn nữa do tình hình thị trường ngày càng xấu đi; tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của một số ngân hàng không đạt chuẩn (trong đó, có cả những ngân hàng lớn) và càng khó đạt chuẩn theo tiêu chuẩn Basel 3 (có hiệu lực vào năm 2013); tiêu chí phân loại nợ chưa sát với chuẩn mực quốc tế; thông tin chưa đạt sự minh bạch (chưa có cơ chế bắt buộc các ngân hàng cổ phần chưa niêm yết phải công bố thông tin được kiểm toán); đạo đức nghề nghiệp xuống cấp nghiêm trọng, nhiều vụ vỡ nợ tín dụng đen xảy ra đều có ít nhiều dính đến hệ thống ngân hàng... (tham khảo một số thông tin tại phụ lục 1). Vì vậy, đây là thời điểm không thể chậm hơn được nữa để có thể tái cấu trúc toàn bộ hệ thống ngân hàng - tài chính. Lộ trình và phương án tái cơ cấu đã được các cấp nghiên cứu kỹ và đưa ra nhiều kịch bản để đối phó. Với quan điểm cá nhân, theo tôi cần lưu ý thêm một số điểm sau:

Một là, không nên nghiêm trọng thái quá công việc tái cấu trúc ở nước ta hiện nay, mà phải đặt ra một lộ trình hợp lý với thời gian thích hợp kèm theo việc thông tin đầy đủ cho người dân và doanh nghiệp để mọi người cùng hiểu rằng, đây là việc làm bình thường cần thiết của Nhà nước và mọi quyền lợi của người gửi tiền phải được đảm bảo vô điều kiện. Thiệt hại trước hết phải được chính các cổ đông của ngân hàng tái cấu trúc gánh chịu. Nếu vẫn chưa đủ thì Nhà nước phải là người đứng ra bù đắp.

Hai là, coi trọng nguyên tắc tự nguyện trong việc giải thể, sáp nhập trên cơ sở giá thị trường giữa các ngân hàng với nhau. Đây là giải pháp tối ưu. Trường hợp cấp bách, Nhà nước có thể thực hiện phương pháp bắt cầu hoặc mua lại nhưng cũng phải tuân thủ phương pháp định giá thị trường (thậm chí đấu thầu rộng rãi), quyết không để xảy ra hiện tượng “đi đêm” để Nhà nước

phải trả giá đắt cho những thương vụ mua bán, sáp nhập được dàn xếp một cách có chủ ý từ những nhóm lợi ích đằng sau các ngân hàng yếu kém.

Ba là, việc tái cấu trúc không phải chỉ diễn ra ở các ngân hàng có vấn đề. Cần phải có một cuộc lành mạnh hóa tổng thể hệ thống tái chính - ngân hàng. Vì vậy, việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng sẽ cần đi liền với việc tái cấu trúc hệ thống các công ty chứng khoán, các công ty tài chính, các công ty cho thuê tài chính nhằm đạt được sự đồng bộ về thể chế chính sách và khuôn khổ pháp lý. Mặt khác, ngay cả những ngân hàng lớn, ngân hàng “không có vấn đề” cũng cần chủ động tự tái cấu trúc các hoạt động và chiến lược kinh doanh của mình nhằm hạn chế những bất cập hoặc khắc phục nguy cơ rủi ro có thể xảy ra trong điều kiện kinh tế được dự báo là tiếp tục khó khăn và thậm chí khó khăn hơn nữa trong những năm tiếp theo.

Bốn là, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng cần tính tới lợi ích quốc gia trong bối cảnh mở cửa thị trường. Cần tránh xu hướng “vọng ngoại” trong quá trình tái cấu trúc, bởi thị trường tài chính - ngân hàng của Việt Nam vốn đã được coi là quá mở so với một số nước (đặc biệt so với Trung Quốc). Không nên tính đến việc mở rộng “room” cho nhà đầu tư nước ngoài trong thời điểm này và cũng không nên coi các ngân hàng nước ngoài là cứu cánh trong bối cảnh khó khăn hiện nay. Chủ quyền quốc gia nên được đặt lên hàng đầu và hãy coi đó là công việc nội bộ trước khi cần đến sự can thiệp của các tổ chức tài chính quốc tế.

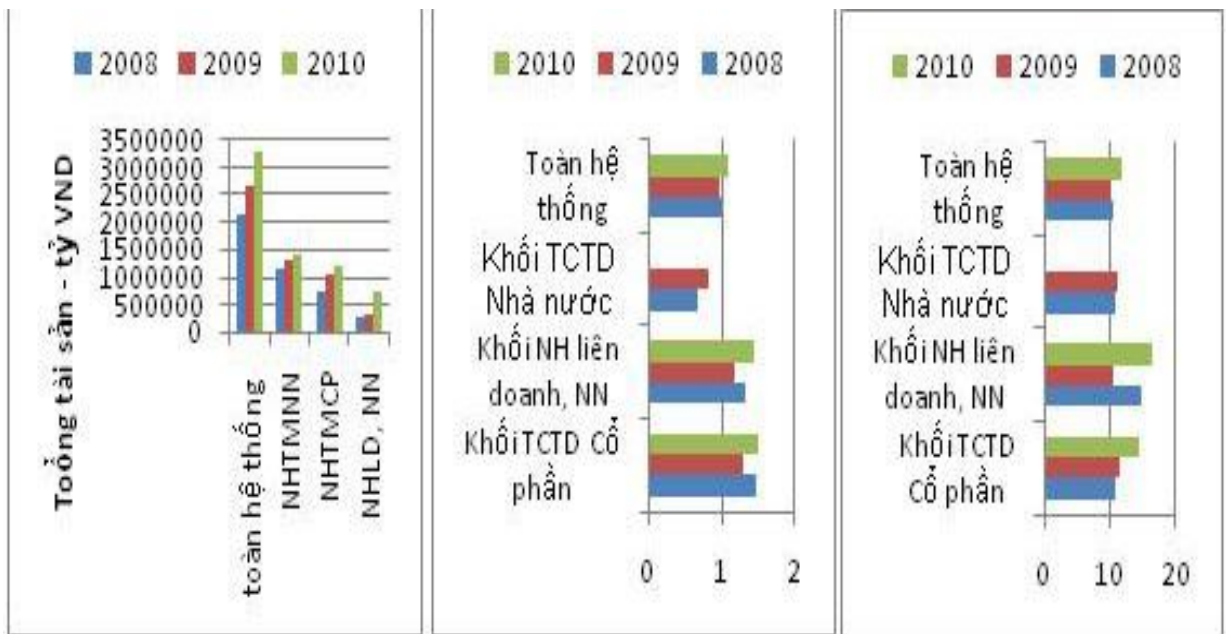
Phụ lục 1: Một số thông tin liên quan đến hệ thống ngân hàng tài chính VN

Tổng tài sản và một số chỉ tiêu hiệu quả phân theo khối các tổ chức tín dụng

Tổng tài sản

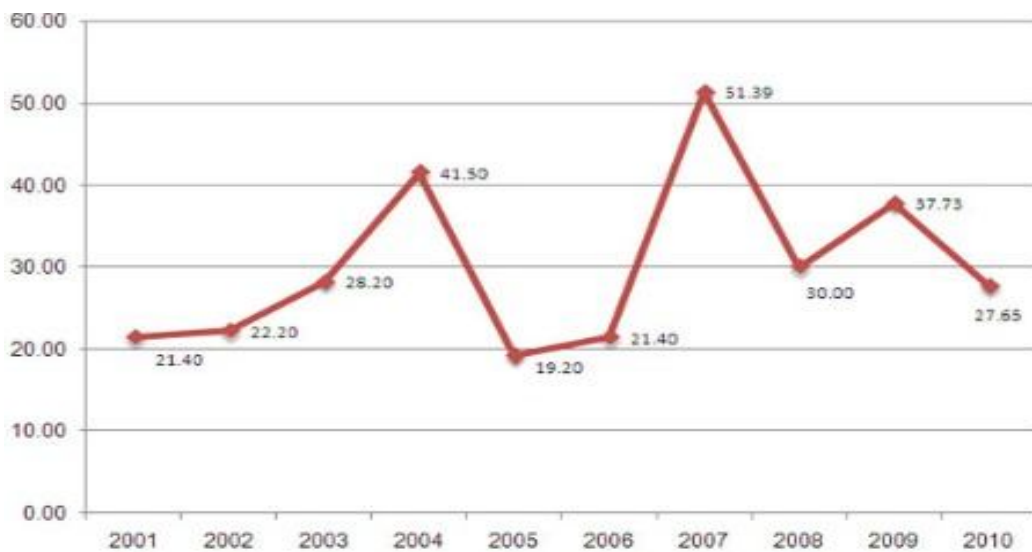
Chỉ số ROA

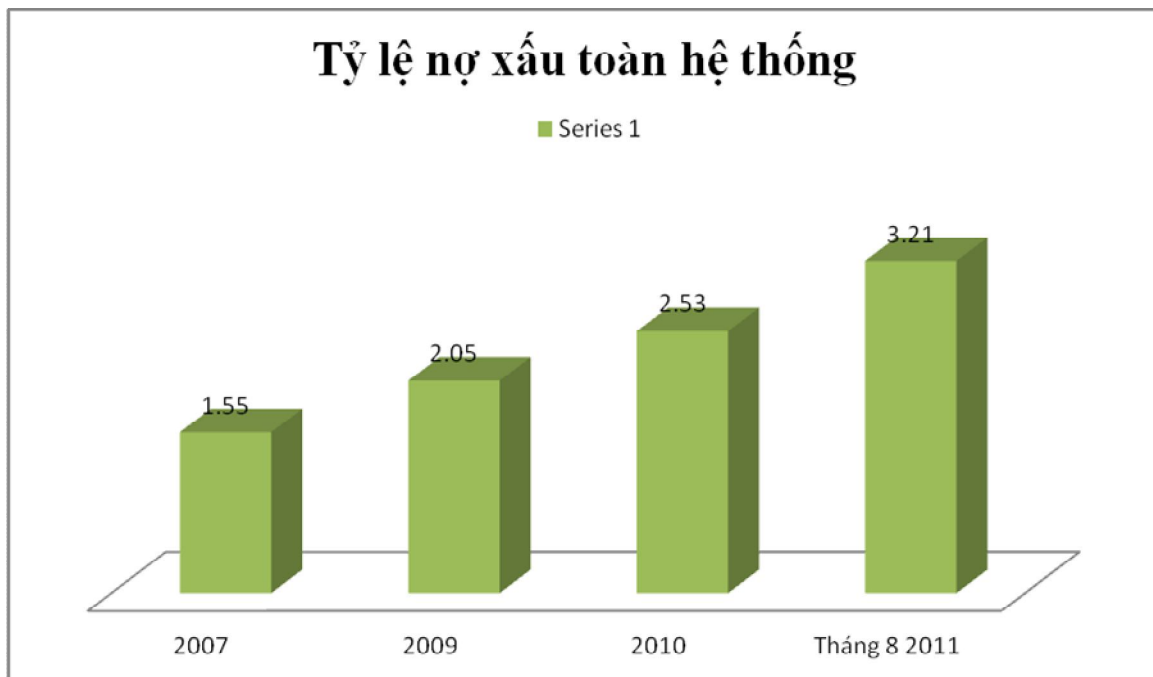
Chỉ số ROE



Nguồn: Báo cáo của NHNN và của NHTM

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống Ngân hàng 2001 - 2010





Theo Ngân hàng Thế giới và NHNN, tỷ lệ nợ xấu toàn ngành Ngân hàng vào thời điểm tháng 9/2011 là 3,21%, tăng so với mức 2,16% vào cuối năm 2010 và có khả năng đẩy lên trên 5% vào cuối năm 2011. Cụ thể hơn, nợ xấu của nhóm ngân hàng thương mại nhà nước tăng 66,18%, nhóm ngân hàng cổ phần tăng 44,3%, nhóm ngân hàng liên doanh và 100% vốn nước ngoài tăng 59,23% so với cuối năm 2010. Đó là chưa tính đến một lượng lớn vốn của tổ chức tín dụng đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp nhưng chưa được đánh giá và trích lập dự phòng đầy đủ, đang tiềm ẩn rủi ro đối với hoạt động của tổ chức tín dụng. Theo NHNN, tỷ lệ nợ xấu hiện nay vẫn ở mức an toàn và kiểm soát được, nhưng theo chuẩn quốc tế (Fitch & Rating), tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng Việt Nam lên tới 13% tổng dư nợ, trong đó, đáng lo ngại nhất là nợ xấu tín dụng bất động sản. Chỉ tính đến 30/6/2011, trên toàn hệ thống, dư nợ tín dụng bất động sản chiếm 10% tổng dư nợ, tương đương 245.000 tỷ đồng (thực tế cao hơn vì có nhiều khoản tín dụng tiêu dùng cũng vào bất động sản). Đây là tỷ lệ khá cao so với một số nước trong khu vực (Thái Lan 6%, Malaysia 7%). Tỷ lệ nợ xấu bất động sản trên tổng nợ xấu khoảng 8,3%, trong đó, 50% là nợ nhóm 5. Một số ngân hàng cổ phần có tỷ

lệ dư nợ tín dụng bất động sản 30 - 40%, cá biệt có ngân hàng trên 50%.
(Lao động số 92 ngày 19/8/2011).

Tài liệu tham khảo

1. *Carl - Johan và cộng sự (1999), Financial Sector Crisis and Restructuring Lessons from Asia.*
2. *Vietnam Investment Review, 2005 - 2011.*
3. *Các báo và tạp chí Việt Nam năm 2011.*